

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa hữu cơ, Hóa học các hợp chất thiên nhiên

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HỒ VIỆT ĐỨC

2. Ngày tháng năm sinh: 06/6/1985; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Hồ Việt Đức, Khoa Dược – Trường Đại học Y Dược Huế, 06 đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế
Điện thoại nhà riêng:..; Điện thoại di động: 0905974785; Email: hvietduc@hueuni.edu.vn;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2010 đến năm 2012: Nghiên cứu viên, Phòng Hoạt chất sinh học, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ năm 2012 đến năm 2014: Giảng viên, Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

Từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2020: Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn Hóa lý – Hóa dược – Hóa hữu cơ, Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế

Từ tháng 6 năm 2020 đến nay: Giảng viên, Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế

Chức vụ: Hiện nay:.....; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế

Địa chỉ cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

Điện thoại cơ quan: 0234.3833172

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 6 năm 2008, ngành: Sư phạm Hóa học, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 5 tháng 4 năm 2011, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa hữu cơ

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 5 năm 2016, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa hữu cơ

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Hội đồng Khoa học Tự nhiên, Đại học Huế

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu thành phần hóa học và đánh giá hoạt tính sinh học của cây thuốc.
- Nghiên cứu tổng hợp, bán tổng hợp các hoạt chất sinh học.
- Phát triển các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên phục vụ điều trị bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **02** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm **01** đề tài cấp Bộ, **01** đề tài cấp Đại học Huế;
- Đã công bố (số lượng) **84** bài báo KH, trong đó **37** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (**31** bài báo thuộc hệ thống ISI, **2** bài báo thuộc hệ thống Scopus);
- Đã được cấp (số lượng) **01** bằng độc quyền sáng chế;
- Số lượng sách đã xuất bản **01** quyển, trong đó **01** quyển thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen (quyết định khen thưởng số 4579/QĐ-BGDĐT, ngày 25/10/2018).
- Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen (quyết định số 283-QĐ/TWĐTN, 19/5/2016).
- Giám đốc Đại học Huế tặng Giấy khen nhiều năm liền (quyết định số 2076/QĐ-ĐHH, ngày 14/11/2014; 1432/QĐ-ĐHH, ngày 13/11/2015; 1286/QĐ-ĐHH, ngày 16/11/2017; 1475/QĐ-ĐHH, ngày 14/11/2018; 1524/QĐ-ĐHH, ngày 18/11/2019).
- Hiệu trưởng trường ĐH Y Dược Huế tặng Giấy khen (quyết định số 1252/QĐ-ĐHYD, ngày 24/4/2018; 3478/QĐ-ĐHYD, ngày 6/11/2019).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian công tác tại Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế, tôi đã luôn phấn đấu, học tập, rèn luyện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Với vai trò là giảng viên đồng thời là cán bộ quản lý Bộ môn thuộc Khoa, tôi đã luôn hoàn thành tốt các công việc từ giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tôi đã hoàn thành và vượt mức giờ giảng quy định trong nhiều năm liên tục. Tôi nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, uy tín của Nhà trường, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy, thời gian qua tôi đã chủ trì thực hiện và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học từ các cấp, đã hướng dẫn học viên cao học, sinh viên cũng như hỗ trợ các đồng nghiệp trong nghiên cứu. Trong suốt quá trình công tác tại Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế, bản thân tôi đã có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học tại đơn vị, được cấp trên, bạn bè, đồng nghiệp ghi nhận. Tôi tự đánh giá hoàn thành các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 8 năm (từ 2012 đến nay).
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015				2	136	75	211/337/238
2	2015-2016				2	295	75	370/492/230
3	2016-2017				1	395	75	470/595/230
3 năm học cuối								
4	2017-2018			1	2	443	225	668/838/230
5	2018-2019			1	2	184	225	409/568/230
6	2019-2020				2	182	75	257/344/230

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 Anh văn theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR), do trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế cấp ngày 12/10/2014.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng Anh		X		X	3/2017-9/2017	Trường Đại học Sư phạm Huế	25/1/2018
2	Võ Minh Khuê		X	X		2/2019-9/2019	Trường Đại học Sư phạm Huế	26/12/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ luận án TS: 01							
1	Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của chi <i>Uvaria</i> L. – họ Na Annonaceae	CK	Nhà xuất bản Đại học Huế, 2018	4	Đồng tác giả	(41-151)	Số 01/ĐHYD-TCHC, ngày 17/6/2020
Trước khi bảo vệ luận án TS: 0							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 01.

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ luận án TS					
1	Nghiên cứu sàng lọc các hợp chất có hoạt tính kháng tế bào ung thư từ một số loài thực vật thuộc chi <i>Anodendron</i> , họ trúc đào (Apocynaceae) ở Việt Nam	CN	B2017-DHH-50 Đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT	1/2017-12/2018	8/7/2019 Đạt
Trước khi bảo vệ luận án TS					
2	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của cây bù dẻ râu (<i>Uvaria fauveliana</i> (Fin. & Gagnep.) – họ na (Annonaceae)	CN	DHH2014-04-35 Đề tài KHCN cấp Đại học Huế	1/2014-12/2015	20/10/2016 Tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TS (TỪ 2016 ĐẾN 2020)								
TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH QUỐC TẾ (ISI: 24 BÀI, SCOPUS: 2 BÀI)								
1.	Biological activities of essential oils from leaves of <i>Paramignya trimera</i> (Oliv.) Guillaum and <i>Limnocitrus littoralis</i>	14		Antibiotics ISSN: 20796382	ISI (3,027, Q1)	0	9, 4, pii: E207	2020

	(Miq.) Swingle							
2.	In vitro antimicrobial of essential oil extracted from leaves of <i>Leoheo domatiophorus</i> Chaowasku, D.T. Ngo & H.T. Le in Vietnam	15		Plants ISSN: 22237747	ISI (2,865, Q1)	0	9, 453, doi:10 .3390/ plants 90404 53	2020
3.	Chemical constituents from the <i>Knema globularia</i> fruits and their in vitro cytotoxicity	4		Natural Product Research ISSN: 14786419	ISI (2,063, Q2)	0	doi:10 .1080/ 14786 419.20 20.177 7416	2020
4.	chiro-Inositol derivatives from <i>Chisocheton paniculatus</i> showing inhibition of nitric oxide production	9		Journal of Natural Products ISSN: 01633864	ISI (4,363, Q1)	0	doi:10 .1021/ acs.jna tprod. 9b012 39	2020
5.	Three new steroidal saponins from <i>Aspidistra letreae</i> plants and their cytotoxic activities	10	x	Journal of Natural Medicines ISSN: 18610293	ISI (2,152, Q1)	0	doi: 10.100 7/s114 18- 020- 01395 -9	2020
6.	Anti-melanogenic activity of ocotillol-type ginsenosides from <i>Panax vietnamensis</i> Ginseng	11		Chemistry & Biodiversity ISSN: 16121872	ISI (1,563, Q2)	0	doi:10 .1002/ cbdv.2 02000 037	2020
7.	The effect of <i>Pogostemon auricularius</i> fractions and its compounds on some proinflammatory and anti-inflammatory molecules in LPS-stimulated RAW 264.7 macrophages	5		A J Physiol Biochem Pharmacol ISSN: 2578-7322	DRJI	0	10, 1, 1-7	2020
8.	Preformulation study of electrospun haemanthamine-loaded amphiphilic nanofibers intended for a solid template for self-assembled liposomes	9		Pharmaceutics ISSN: 19994923	ISI (4,739, Q1)	2	11, 10, doi: 10.339 0/phar maceu tics11 10049 9	2019
9.	Chemical composition and anti-inflammatory activity of the essential oil from the leaves of <i>Limnocyrtus littoralis</i> (Miq.) Swingle from Vietnam	7		Natural Product Research ISSN: 14786419	ISI (2,063, Q2)	0	doi: 10.108 0/147 86419. 2019.1 65228 6	2019

10.	Apoptosis-inducing effect of pogostemin A isolated from the aerial parts of <i>Pogostemon auricularius</i> against the human lung cancer cells	6		Journal of Biologically Active Products from Nature ISSN: 2231-1866	Scopus	0	9, 5, 320-327	2019
11.	Phytochemical constituents of <i>Annona reticulata</i> and their cytotoxic activity	5	x	Letters in Organic Chemistry ISSN: 15701786	ISI (0,708, Q4)	0	17, 3, 206-210	2019
12.	Three new inositol derivatives from <i>Chisocheton paniculatus</i>	6		Tetrahedron Letters ISSN: 00404039	ISI (2,328, Q2)	0	60, 1841-1844	2019
13.	Constituents of essential oils from the leaves of <i>Paramignya trimera</i> (Oliv.) Guillaum from Vietnam	6		Journal of Essential Oil Bearing ISSN: 0972060X	ISI (0,764, Q4)	1	22, 2, 391-395	2019
14.	A new triterpene and a new phloroglucinol derivative from the aerial parts of <i>Pogostemon auricularius</i>	11	x	Chemistry of Natural Compounds ISSN: 15738388	ISI (0,623, Q3)	0	55, 5, 766-769	2019
15.	Two new abietane diterpenes huperphlegmarins A and B from <i>Huperzia phlegmaria</i>	7		Natural Product Research ISSN: 14786419	ISI (2,063, Q2)	0	doi:10.1080/14786419.2018.1484462	2018
16.	A new limonoid from <i>Chisocheton paniculatus</i> fruit collected in Vietnam and its NO production inhibitory activity	4		Natural Product Communications ISSN: 15559475	ISI (0,582, Q3)	1	13, 10, 1255-1257	2018
17.	Pogostemins A-C, three new cytotoxic meroterpinoids from <i>Pogostemon auricularius</i>	6		Fitoterapia ISSN: 0367326X	ISI (2,635, Q2)	1	130, 100-104	2018
18.	Three new phloroglucinol derivatives from the aerial parts of <i>Pogostemon auricularius</i> and their cytotoxic activity	6		Phytochemistry Letters ISSN: 18743900	ISI (1,466, Q2)	0	28, 88-92	2018
19.	Huperphlegmines A and B, two novel Lycopodium alkaloids with an unprecedented skeleton from <i>Huperzia phlegmaria</i> , and their acetylcholinesterase inhibitory activities	6		Fitoterapia ISSN: 0367326X	ISI (2,635, Q2)	7	129, 267-271	2018
20.	A new cytotoxic tetrahydroxan thene-1,3(2H)-dione derivative	5	x	Natural Product Communications ISSN: 15559475	ISI (0,582, Q3)	0	13, 5, 585-588	2018

	from <i>Uvaria cordata</i> and structure revision of Valderramenol A							
21.	Cytotoxic evaluation of compounds isolated from the aerial parts of <i>Hedyotis pilulifera</i> and methanol extract of <i>Inonotus obliquus</i>	6		Natural Product Communications ISSN: 15559475	ISI (0,582, Q3)	0	13, 8, 939-941	2018
22.	A new triterpene ester and other chemical constituents from the aerial parts of <i>Anodendron paniculatum</i> and their cytotoxic activity	6	x	Journal of Asian Natural Products Research ISSN: 10286020	ISI (1,235, Q2)	0	doi:10.1080/10286020.2017.1336163	2017
23.	Antibacterial activities of chemical constituents from the aerial parts of <i>Hedyotis pilulifera</i>	9		Pharmaceutical Biology ISSN: 13880209	ISI (2,492, Q2)	6	51, 1, 787-791	2017
24.	Acetylcholinesterase inhibitory activity and total antioxidant power of selected medicinal plants from Central Vietnam	7		Thai Journal of Pharmaceutical Sciences ISSN: 01254685	Scopus (0,225, Q4)	0	41, 177-180	2017
25.	Cycloartane-type triterpene glycosides anopans A-C with monoacyldigalactosylglycerols from <i>Anodendron paniculatum</i>	12	x	Phytochemistry ISSN: 00319422	ISI (3,027, Q1)	1	144, 113-118	2017
26.	Cytotoxic effect of chamomile (<i>Matricaria recutita</i>) and marigold (<i>Calendula officinalis</i>) extracts on human melanoma SK-MEL-2 and epidermoid carcinoma KB Cells	5		Cogent Medicine ISSN: 2331-205X	DOAJ	10	4, 1, doi:10.1080/2331205X.2017.133218	2017
27.	A new iridoid from the aerial parts of <i>Hedyotis pilulifera</i>	6		Natural Product Communications ISSN: 15559475	ISI (0,582, Q3)	0	11, 3, 365-367	2016
28.	The components from aerial parts of <i>Sarcosperma affinis</i> Gagnep. and their antibacterial activities	8		Cogent Chemistry ISSN: 2331-2009	ESCI	1	2, 1, doi:10.1080/23312009.2016.1254421	2016
29.	Alkylphloroglucinol derivatives and triterpenoids with soluble epoxide hydrolase inhibitory activity from <i>Callistemon citrinus</i>	11		Fitoterapia ISSN: 0367326X	ISI (2,635, Q2)	10	109, 39-44	2016

TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH TRONG NƯỚC (24 BÀI)								
30.	Phân lập và xác định cấu trúc một số triterpene và sterol từ cây Com rượu hoa nhỏ (<i>Glycosmis parviflora</i>)	4	x	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Tự nhiên ISSN: 1859-1388			(đã nhận đăng)	2020
31.	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính ức chế α -glucosidase của cây Com rượu hoa nhỏ (<i>Glycosmis parviflora</i> (Sims) Little)	3	x	Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			529, 48-52	2020
32.	Study on chemical constituents and cytotoxicity of <i>Aspidistra letreae</i>	5	x	Hue University Journal of Science: Natural Science ISSN: 1859-1388			129, 2A, doi:10.26459/hueuniversity-jns.v129i2A	2020
33.	Các hợp chất alcaloid phân lập từ cành và lá cây thầu lĩnh (<i>Alphonsea tonkinensis</i> A.DC. - Annonaceae)	3		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			518, 57-61	2019
34.	Phân lập, xác định cấu trúc và đánh giá hoạt tính ức chế acetylcholinesterase của các hợp chất từ loài <i>Hippeastrum reticulatum</i> (L'Her.) Herb.	4		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			518, 74-78	2019
35.	Dammarane triterpene, flavone glycoside từ cành và lá cây Quếch (<i>Chisocheton paniculatus</i> Hiern – Meliaceae)	8		Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			9, 1, 60-64	2019
36.	Thành phần hóa học của cành và lá cây Quếch (<i>Chisocheton paniculatus</i> Hiern - Meliaceae)	2		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			510, 85-88	2018
37.	Các hợp chất alcaloid và terpenoid phân lập từ cây thạch tùng đuôi ngựa (<i>Huperzia phlegmaria</i> (L.) Rothm.)	4		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			512, 36-41	2018
38.	Một số hợp chất phân lập từ phần trên mặt đất của cây thạch tùng đuôi ngựa (<i>Huperzia phlegmaria</i> (L.) Rothm.) ở Việt nam	4		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			506, 42-45	2018
39.	Các terpenoid, steroid, và δ -tocopherol từ cành và lá cây Quếch	5		Tạp chí Dược liệu ISSN: 1859-4735			23, 6, 335-339	2018

40.	Thành phần hóa học phần trên mặt đất của cây thạch tùng đuôi ngựa	4		Tạp chí Dược liệu ISSN: 1859-4735			23, 2, 67-71	2018
41.	Tính chất lý hóa và thành phần hóa học tinh dầu sa nhân ké (<i>Amomum xanthiodes</i>) ở A Lưới – Thừa Thiên Huế	5		Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			8, 4, 96-101	2018
42.	Anthracenyl glucosides from <i>Callistemon citrinus</i> and their inhibitory activity against the immunosuppressive enzyme indoleamine 2,3-dioxygenase: in vitro and in silico study	10		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 0866-7144			55, 5E3,4, 422-427	2017
43.	Chemical composition of the essential oils from <i>Distichochlamys citrea</i> leaves collected from Central Vietnam	5		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 0866-7144			55, 4E23, 358-362	2017
44.	Thành phần hóa học của loài gừng đen bên én (<i>Distichochlamys benenica</i> Q.B.Nguyen & Skornick) thu tại Quảng Nam, Việt Nam	4		Tạp chí Hoá học ISSN: 0866-7144			55, 4E23, 81-85	2017
45.	Triterpenoid and sterol compounds isolated from <i>Anodendron paniculatum</i> (Roxb.) A. DC.	5		Hue University Journal of Science: Natural Science ISSN: 1859-1388			126, 1B, 145-153	2017
46.	Các hợp chất glycoglycerolipid và dẫn xuất của prenylbenzoic acid từ cây Tóc thẳng cẳng (<i>Anodendron paniculatum</i>)	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Khoa học, Đại học Huế ISSN: 1859-1388			10, 1, 85-96	2017
47.	Phenolic compounds from <i>Callistemon citrinus</i> leaves and stems	9		Journal of Science and Technology (VAST) ISSN: 0866-708X			54, 2, 190-197	2016
48.	Flavonoids and triterpenoids from <i>Callistemon citrinus</i> and their inhibitory effect on no production in LPS-stimulated Raw264.7 macrophages	7		Journal of Science and Technology (VAST) ISSN: 0866-708X			54, 2, 214-223	2016
49.	Các hợp chất triterpenoid phân lập từ loài an điền nón (<i>Hedyotis pilulifera</i>	6		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			481, 69-73	2016

	(Pit.) T. N. Ninh – Rubiaceae)							
50.	Initial study on chemical constituents of <i>Hedyotis pilulifera</i> (Pit.) T.N.Ninh	4		Vietnam Journal of Medicinal Materials ISSN: 1859-4735			21, 3, 185-189	2016
51.	Flavonoid and phenylpropanoid glycosides isolated from <i>Anodendron paniculatum</i> (Roxb.) A. DC.	5		Vietnam Journal of Medicinal Materials ISSN: 1859-4735			21, 5, 304-309	2016
52.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học theo định hướng hoạt tính kháng khuẩn của loài an điền nón (<i>Hedyotis pilulifera</i> (Pit.) T.N.Ninh)	4		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1005, 732-737	2016
53.	Tác dụng bảo vệ gan và thành phần hóa học của phần trên mặt đất cây mán đĩa (<i>Archidendron clypearia</i>)	4		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1005, 615-620	2016
TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TS (TỪ 2011 ĐẾN 2015)								
TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH QUỐC TẾ (ISI: 7 BÀI)								
54.	A new lignan glycoside from the aerial parts and cytotoxic investigation of <i>Uvaria rufa</i>	7		Natural Product Research ISSN: 14786419	ISI (2,063, Q2)	10	29, 3, 247-252.	2015
55.	A new polyoxygenated cyclohexene and a new megastigmane glycoside from <i>Uvaria grandiflora</i>	12	x	Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters ISSN: 14643405	ISI (2,548, Q1)	5	25, 3246-3250	2015
56.	Selectivity of <i>Pinus sylvestris</i> extract and essential oil to estrogen-insensitive breast cancer cells <i>Pinus sylvestris</i> against cancer cells	5		Pharmacognosy Magazine ISSN: 0973-1296	ISI (1,330, Q2)	15	11, 44, 290-295	2015
57.	Vascular L-type Ca ²⁺ channel blocking activity of sulfur-containing indole alkaloids from <i>Glycosmis petelotii</i>	9		Journal of Natural Products ISSN: 01633864	ISI (4,363, Q1)	6	77, 1586-1593	2014
58.	Vasorelaxing activity of two coumarins from <i>Murraya paniculata</i> leaves	8		Biological and Pharmaceutical Bulletin ISSN: 0918-6158	ISI (1,601, Q2)	13	37, 4, 694-697	2014
59.	The soluble epoxide hydrolase sEH inhibitory activity of coumarins from the leaves of <i>Murraya</i>	6		Current Research in Biological and Pharmaceutical Sciences	Peer-review		3, 3, 1-5	2014

	<i>paniculata</i>			ISSN: 2319-7536				
60.	Anti-Influenza Sesquiterpene from the Roots of <i>Reynoutria japonica</i>	14		Natural Product Communications ISSN: 15559475	ISI (0,582, Q3)	4	9, 3, 315-318	2014
61.	Cytotoxic compounds from <i>Brucea mollis</i>	10		Scientia Pharmaceutica ISSN: 22180532	ISI (1,609, Q2)	2	81, 819-831	2013
TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH TRONG NƯỚC (23 BÀI)								
62.	Nghiên cứu thành phần hóa học của tinh dầu thân rễ Gừng đen (<i>Distichochlamys citrea</i>) tại một số tỉnh miền trung Việt Nam	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang ISSN: 0866-8086			8, 4, 60-65	2015
63.	Screening medicinal plants in Central Vietnam for radical scavenging and ferrousion chelation activities	5		Vietnam Journal of Medicinal Materials ISSN: 1859-4735			20, 3, 170-175	2015
64.	Saponin triterpenoid phân lập từ cây thường xuân thu hái tại Lâm Đồng	4		Tạp chí Dược liệu ISSN: 1859-4735			20, 4, 212-216	2015
65.	Nghiên cứu quy trình định lượng asiaticosid từ Rau má (<i>Centella asiatica</i> (L.) URB. - Apiaceae) trồng tại xã Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	5		Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			26, 63-68	2015
66.	Hợp chất lignan glycosid mới từ cây bù dẻ râu <i>Uvaria fauveliana</i>	6	x	Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144			52, 4, 463-467	2014
67.	Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài thuộc chi bù dẻ (<i>Uvaria</i>), họ Na (Annonaceae)	5	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (VAST) ISSN: 0866-708X			52, 5A, 284-295	2014
68.	Các hợp chất furanoflavin từ lá cây đậu dầu (<i>Pongamia pinnata</i> (L.) – Fabaceae) thu hái tại Thừa Thiên Huế	5		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			455, 42-46	2014
69.	Các hợp chất pyranoflavanon và sterol từ lá cây đậu dầu thu hái tại Thừa Thiên Huế	4	x	Tạp chí Dược liệu ISSN: 1859-4735			19, 2, 101-106	2014
70.	Thành phần hóa học và tác dụng chống oxy hóa của phần trên mặt đất cây mán đĩa (<i>Archidendron clypearia</i>)	6		Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			Số đặc biệt, 17-24	2014

71.	Bước đầu nghiên cứu thành phần hóa học của tinh dầu gừng đen (<i>Distichochlamys citrea</i>) thu hái tại A Lưới - Thừa Thiên Huế	4	x	Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			Số đặc biệt, 43-48	2014
72.	Hợp chất thơm mới từ lá cây bù dẻ lá lớn <i>Uvaria cordata</i>	3		Tạp chí Hoá học ISSN: 0866-7144			51, 6, 736-739	2013
73.	Bước đầu nghiên cứu thành phần hóa học cây Xáo tam phân họ Rutaceae	7		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144			51, 3, 292-296	2013
74.	Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn của indirubin-3'-oxime và viên nang vindoxim hỗ trợ điều trị bệnh ung thư	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ (VAST) ISSN: 0866-708X			51, 3, 343-352	2013
75.	Tác dụng gây độc tế bào ung thư của dịch chiết phân đoạn và các hợp chất polyoxygenated cyclohexen từ bù dẻ tía (<i>Uvaria grandiflora</i>)	5		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			446, 7-12	2013
76.	Hai saponin glycosid phân lập từ cây bù dẻ tía (<i>Uvaria grandiflora</i> Roxb. ex Hornem)	3		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			452, 35-40	2013
77.	Tác dụng độc hại tế bào của các cao chiết phân đoạn và 2 alkaloid phân lập từ cây bù dẻ lá lớn (<i>Uvaria cordata</i> (Dun.) Wall. ex Alston)	4		Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			447, 29-34	2013
78.	Tác dụng gây độc tế bào ung thư của dịch chiết <i>Uvaria cordata</i> (Dun.) Wall. ex Alston - Annonaceae	5	x	Tạp chí Dược liệu ISSN: 1859-4735			18, 2, 77-82	2013
79.	Thành phần hoá học của lá cây bù dẻ lá lớn	4		Tạp chí Dược liệu ISSN: 1859-4735			18, 4, 254-258	2013
80.	Tác dụng kháng ung thư của chi <i>Uvaria</i>	3		Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			18, 98-101	2013
81.	Nghiên cứu thành phần hoá học phân đoạn n-hexane của cây bù dẻ tía (<i>Uvaria grandiflora</i>) thu hái tại Quảng Trị	5		Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836			14, 81-86	2013
82.	Cải tiến phương pháp tổng hợp indirubin-3'-oxime từ bột chàm giàu indirubin và ứng dụng tạo chế phẩm hỗ trợ điều trị bệnh ung thư	7		Tạp chí Hoá học ISSN: 0866-7144			50, 5A, 320-322	2012

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

83.	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng vi sinh vật của tinh dầu quả sa nhân tím (<i>Amomum longiligulare</i>) ở Phú Yên	10	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (VAST) ISSN: 0866-708X			50, 3D, 1054-1059	2012
84.	Các tecpenoit và phenolic glycosit từ cây Khổ sâm mềm (<i>Brucea mollis</i> Wall. ex Kurz)	5		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144			49, 6, 765-768	2011
HỘI NGHỊ QUỐC TẾ								
85.	Cytotoxic activity on cancer cell lines of compounds isolated from the aerial parts of <i>Uvaria grandiflora</i>	6		Proceedings of The Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			240-245	2013
HỘI NGHỊ TRONG NƯỚC								
86.	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây Bù dẻ lá lớn (<i>Uvaria cordata</i> (Dun.) Wall. Ex Alston)	3	x	Hội nghị KHCN tuổi trẻ các Trường ĐH, Cao đẳng Y Dược VN lần thứ XVII			640-646	2014

Ghi chú: IF, Qi của tạp chí được lấy từ SCImago Journal Rank; số trích dẫn được lấy từ Google Scholar.

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **06**

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Bảng độc quyền sáng chế: 01					
1	Quy trình tổng hợp và tinh chế hợp chất indirubin-3'-oxim từ cây Chàm mèo (<i>Strobilanthes cusia</i>)	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Sáng chế số: 17024	Quyết định số 35010/QĐ-SHTT, ngày 30/5/2017	Đồng tác giả	7

- Trong đó, các số TT của bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải Nhất “Hội nghị Khoa học – Công nghệ tuổi trẻ các trường ĐH, CĐ Y-dược Việt Nam lần thứ 18”	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Số 283-QĐ/TWĐTN, ngày 19/5/2016	4
2	Giải Nhì “Giải thưởng Khoa học và Công	Bộ Giáo dục và Đào	Số 4579/QĐ-	5

nghệ dành cho giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2018”	tạo	BGDĐT, ngày 25/10/2018	
---	-----	------------------------	--

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1, 2

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Từ năm 2012 đến nay, tôi đã tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo ngành Dược học tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Hien Minh Nguyen, Huy Truong Nguyen, Nwet Nwet Win, Wong Chin Piow, Kim Long Vu Huynh, Nhat Nam Hoang, Kiep Minh, Nguyen Thi Hoai, **Ho Viet Duc**, Minh Duc Nguyen, and Hiroyuki Morita (2020), Anti-melanogenic activity of ocotillol-type ginsenosides from *Panax vietnamesis* Ginseng, *Chemistry & Biodiversity*, DOI: 10.1002/cbdiv.202000037.

c) Nghiên cứu khoa học

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

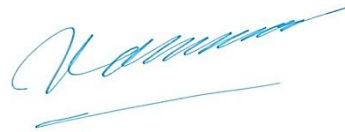
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Huế, ngày 17 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hồ Việt Đức